

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2026

Số -BC/BCĐ

DỰ THẢO

BÁO CÁO

tình hình, kết quả triển khai thực hiện
Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị Quý I/2026 và
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng (viết tắt là Quyết định 204-QĐ/TW) và chỉ đạo của các cơ quan Trung ương; Ban Chỉ đạo tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪ ĐẦU NĂM 2026 ĐẾN NAY

I. VỀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026

- Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch¹ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 trước ngày 10/01/2026 đúng theo tiến độ yêu cầu. Đồng thời, tổ chức rà soát, cập nhật, các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương (Chương trình số 02-Ctr/BCĐTW ngày 02/02/2026), trên cơ sở đó bổ sung, hoàn thiện các kế hoạch thực hiện của tỉnh, bảo đảm đúng yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng tại Công văn số 315-CV/VPTW ngày 06/02/2026 (ban hành Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 31/3/2026 thay thế Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026).

- Đã chỉ đạo xây dựng Nghị quyết về cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát

¹ Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 và đã được thông qua tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3.

- Trên cơ sở Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong năm 2026. Đến nay, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh cơ bản đã ban hành kế hoạch để tổ chức triển khai. Nhìn chung, các kế hoạch xác định rõ nội dung, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả; xác định những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Từ đầu năm 2026 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 6 phiên họp về triển khai về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cụ thể: Giao ban Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp và môi trường vào ngày 11/01/2026; giải pháp chuyển đổi số vào ngày 15/01/2026; tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị vào ngày 20/01/2026; tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trong thời gian qua, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới vào ngày 22/01/2026; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lĩnh vực xây dựng vào ngày 26/01/2026; lĩnh vực y tế vào ngày 27/01/2026; lĩnh vực giáo dục và đào tạo vào ngày 02/3/2026.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ được giao: 243 nhiệm vụ, trong đó: Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 129 nhiệm vụ, tỷ lệ 53,1% (*số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 122 nhiệm vụ, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 07 nhiệm vụ*); số nhiệm vụ đang tiến hành đúng hạn: 108 nhiệm vụ, tỷ lệ 44,4% (*80 nhiệm vụ thường xuyên và 28 nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn*); số nhiệm vụ đang tiến hành **quá hạn: 06 nhiệm vụ, tỷ lệ 2,5%**.

* Các phụ lục kèm theo:

- **Phụ lục 1:** 129 nhiệm vụ Đã hoàn thành
- **Phụ lục 2:** 108 nhiệm vụ Đang tiến hành
- **Phụ lục 3:** 06 nhiệm vụ Quá hạn.

3. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan: Từ đầu năm 2026 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi chưa nhận được PAKN, SKGP gửi đến trên hệ thống.

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 03 văn bản: Quy chế số 05-QC/TU ngày 06/01/2026 về quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 10/01/2026 về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 31/3/2026 thay thế Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 05 văn bản: Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định mức thu phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 06/KH-HĐND ngày 27/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong hoạt động của HĐND tỉnh năm 2026.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 10 văn bản: Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2026 về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về việc ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày

30/01/2026 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 11/02/2026 về nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 11/02/2026 về thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 11/03/2026 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã ban hành 02 văn bản: Kế hoạch số 22/KH-MTTQ-BTT ngày 22/01/2026 về chuyển đổi số trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 23/KH-MTTQ-BTT ngày 22/01/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc và các đảng ủy xã, phường đặc khu: có 95/104 cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch thực hiện đề án chuyển đổi số trong đảng theo Kế hoạch số 28-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 93/104 cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 27-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

1.1. Về hạ tầng số dùng chung

- Về hoàn thiện hạ tầng các Trung tâm dữ liệu dùng chung: hoàn thành việc di dời các thiết bị của Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy và Trung tâm dữ liệu tỉnh Kon Tum (cũ) để bổ sung, mở rộng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu dùng chung của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh Quảng Ngãi và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (mới). Trong năm 2026, trên cơ sở kế thừa, tận dụng các trang thiết bị hiện có tiếp tục thực hiện mua sắm, trang bị để duy trì và mở rộng khả năng xử lý, lưu trữ, đáp ứng yêu cầu truy cập, khai thác, sử dụng các các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung và bảo đảm an ninh mạng.

- Hệ thống Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh: (1) Hệ thống mạng Mật được triển khai kết nối đến 100% các cơ quan, đơn vị thuộc 4 khối trong

hệ thống chính trị; (2) Tiếp nhận, bàn giao, kết nối và đưa vào sử dụng 210 thiết bị bảo mật BML², 1.401 thiết bị chữ ký số mật³, 869 thiết bị lưu giữ DC-02M.19⁴; (3) Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã bố trí máy tính và thực hiện kiểm tra an ninh, an toàn các thiết bị trước khi đưa vào sử dụng để phục vụ ký số, gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật; (4) Tiếp nhận tài khoản quản trị cấp tỉnh Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc mật do Văn phòng Chính phủ cung cấp.

- Chữ ký số chuyên dùng công vụ: hiện nay trong toàn tỉnh có 21.885 chứng thư số đang hoạt động (bao gồm chữ ký số mật), trong đó: 3.895 chữ ký số tổ chức, 17.979 chữ ký số cán nhân và 11 chữ ký số thiết bị, phần mềm.

- Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đã quan tâm, bố trí kinh phí để nâng cấp đường truyền, hệ thống mạng LAN, Wifi; trang bị máy tính và các thiết bị làm việc thiết yếu cho cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ công tác chuyên đổi số.

1.2. Về nền tảng, dữ liệu, ứng dụng số

- Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử được triển khai trong toàn Đảng bộ để hỗ trợ trong công tác sinh hoạt chi bộ. Việc triển khai và hướng dẫn cài đặt, đăng nhập phần mềm được các cấp ủy quan tâm và tiếp tục triển khai đến từng chi bộ, từng đảng viên. Bên cạnh đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đã xây dựng và đăng tải các thông báo nội bộ lên ứng dụng để phục vụ sinh hoạt chi bộ thường kỳ hàng tháng. Phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên 4.0 được triển khai đồng bộ đến các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các đảng ủy xã, phường đặc khu để quản lý tổ chức đảng, đảng viên; cập nhật, khai thác hồ sơ đảng viên, đến nay đã chuẩn hóa 87.137/90.223 hồ sơ đảng viên (đạt tỷ lệ 96,6%).

- Tiếp tục chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản điện tử có ký số trên môi trường mạng; hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ của các cơ quan khối nhà nước trong 3 năm gần đây; số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 về kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

- Đã chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định của pháp luật: tỉnh Quảng Ngãi đang cung cấp danh mục dữ liệu mở, vận hành tại địa chỉ <https://opendata.quangngai.gov.vn>, đồng thời rà soát, điều chỉnh lại các danh mục

² Tỉnh ủy (102 thiết bị); HĐND (10 thiết bị); UBND (63 thiết bị); UBMTTQ (35 thiết bị).

³ Tỉnh ủy (738 thiết bị); HĐND (133 thiết bị); UBND (408 thiết bị); UBMTTQ (122 thiết bị).

⁴ Tỉnh ủy (480 thiết bị); HĐND (09 thiết bị); UBND (333 thiết bị); UBMTTQ (47 thiết bị).

cung cấp dữ liệu mở mới phù hợp với tình hình thực tiễn. Tiếp tục rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng; thường xuyên rà soát, tiếp nhận kiến nghị từ các đơn vị để hoàn thiện các hệ thống thuộc phạm vi quản lý nhằm đảm bảo các hệ thống hoạt động thông suốt, ổn định.

1.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Việc thực hiện TTHC của Đảng trên môi trường điện tử: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai 4 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, hướng dẫn, đôn đốc Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và đảng ủy các xã, phường, đặc khu triển khai một số nội dung chuẩn bị, phục vụ triển khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đến nay đã hoàn thành phân quyền quản trị cho 100% tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, đăng ký và cập nhật thông tin 35 tài khoản của đảng bộ cấp trên cơ sở, 180 tài khoản đảng bộ/chi bộ cơ sở và 975 tài khoản các chi bộ trực thuộc, căn bản hoàn thành việc phân quyền bí thư, phó bí thư của các tổ chức đảng.

- *Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và các dịch vụ, tiện ích:* tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia:

+ Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành: 2230/2230 TTHC (đạt 100%). Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 147.782 hồ sơ;

+ Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: Hồ sơ nộp trực tuyến 85,56%; Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác 14,44%.

+ Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý: HS Đúng hạn: 95,55%; HS xử lý quá hạn: 4,45%.

+ Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 81,91%.

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 81,7%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 139.643 hồ sơ đạt tỷ lệ: 94,44%.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống tự động cung cấp 20 trường thông tin do Cơ sở dữ liệu Quốc gia (CSDLQG) về dân cư chia sẻ.

+ Số lượng tài khoản cổng DVCQG được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư: 1.065.462.

+ Đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp: tỉnh Quảng Ngãi được xếp thứ 32/34 tỉnh/thành phố với tổng điểm 92,04%. Các chỉ số thành phần đạt được

bao gồm: Công khai minh bạch (18); Tiến độ giải quyết (18,07); Dịch vụ trực tuyến (18,19); Mức độ hài lòng (17,88); Số hóa hồ sơ (19,68).

+ Kết quả đánh giá Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC: đạt 18/18 Điểm (Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị: 100%; Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC: 90,84%)

+ Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về việc ban hành bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về xã hội số

Công tác phát triển xã hội số tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào nâng cao nhận thức, kỹ năng số và ứng dụng công nghệ vào đời sống, cụ thể:

- Các địa phương hoàn thành kiện toàn thành lập 1.477 Tổ Công nghệ số cộng đồng (theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đến 100% cấp thôn) với hơn 12.198 thành viên, trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Công tác truyền thông, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng số tại UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh. Đặc biệt, Phong trào “Bình dân học vụ số” đã được triển khai rộng khắp với 96 xã, phường, đặc khu và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường học tập và nâng cao kỹ năng số cho người dân.

- Đến nay, 100% CBCCVC trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 1 lớp tập huấn về kỹ năng số.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- Về thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (KHCV, ĐMST): Tỉnh đã nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do các đơn vị trong nước phát triển, ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, từng bước thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công...) bảo đảm minh bạch và phù hợp với các quy định pháp luật. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 464/UBND KGVX ngày 16/01/2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ bổ sung danh mục công nghệ cao và danh mục công nghệ chiến lược theo hướng phù hợp với Tỉnh để triển khai thực hiện.

- Về nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử: Ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ. Hiện nay, tỉnh tập trung nguồn lực phát triển các công nghệ cao và công nghệ chiến

lược, cụ thể: Danh mục công nghệ cao gồm công nghệ luyện kim tiên tiến, luyện kim xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải carbon, áp dụng trong sản xuất thép chất lượng cao, thép hợp kim, thép chuyên dụng; công nghệ vật liệu mới, vật liệu hợp kim đặc biệt, vật liệu composite, vật liệu chịu nhiệt, chịu ăn mòn, phục vụ công nghiệp nặng, năng lượng và hạ tầng; công nghệ tự động hóa, robot công nghiệp, dây chuyền sản xuất thông minh, tích hợp trí tuệ nhân tạo trong điều khiển và tối ưu hóa sản xuất; công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải công nghiệp, tuần hoàn tài nguyên trong khu công nghiệp. Danh mục công nghệ chiến lược: Công nghệ luyện kim chiến lược làm chủ quy trình sản xuất thép đặc biệt, thép kỹ thuật cao, vật liệu kim loại chiến lược; công nghệ sản xuất vật liệu phục vụ năng lượng, hạ tầng trọng điểm, công nghiệp quốc phòng và an ninh; công nghệ tự động hóa và số hóa sản xuất quy mô lớn, áp dụng cho các tổ hợp công nghiệp, khu công nghiệp tập trung; công nghệ môi trường và kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, tái sử dụng chất thải trong các khu công nghiệp.

- Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang rà soát, tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay. Việc tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp, cụm, ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng. Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (*theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương*), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (*đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hoá*). Sở Khoa học và Công nghệ đang triển khai nhiệm vụ đánh giá trình độ và năng lực sản xuất của doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp tỉnh đến năm 2045.

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; chưa có doanh nghiệp công nghệ cao. Trong năm 2025, có 02 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tỉnh Quảng Ngãi chưa có khu công nghệ cao, đang từng bước triển khai đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số, bước đầu trong quản lý hành chính và giao thông. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang tích cực triển khai truyền thông, kết nối 3 nhà thông qua các Hội nghị, Hội thảo, tạo môi trường để cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân kết nối, thúc đẩy hợp tác.

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước: Việc ứng dụng AI đã được triển khai sâu rộng trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đạt được nhiều kết quả tích cực (tích hợp AI vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh; trợ lý Chatbot AI hỗ trợ người dân và doanh nghiệp của Sở Xây dựng; ứng dụng AI xây dựng chatbot hỏi đáp về Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng

tạo tại Chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh; ứng dụng công nghệ AI nhận diện giọng nói tiếng Hrê, Co trên CSDL điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Co; Ứng dụng vào xây dựng các video học tập trực tuyến phục vụ phong trào Bình dân học vụ số tỉnh Quảng Ngãi).

IV. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

- Công tác truyền thông, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng số tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh được đẩy mạnh. Đặc biệt, Phong trào “Bình dân học vụ số” đã được triển khai rộng khắp với 96 xã, phường, đặc khu và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường học tập và nâng cao kỹ năng số cho người dân. Các địa phương hoàn thành kiện toàn thành lập 1.477 Tổ Công nghệ số cộng đồng (*theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và đến 100% cấp thôn*) với hơn 12.198 thành viên, trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*đặc biệt là cán bộ cấp xã*). Hiện nay, đã xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng công nghệ thông tin cho công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, dự kiến triển khai thực hiện trong Quý II năm 2026.

- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, viện, trường trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với đặc thù, tiềm năng, thế mạnh của địa phương và lĩnh vực được giao phụ trách của bộ, ngành: UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các Kế hoạch hợp tác giữa UBND tỉnh Quảng Ngãi với Đại học Quốc gia Hà Nội (*Kế hoạch số 01/KH-ĐHQGHN-UBND ngày 17/8/2023*), Đại học Đà Nẵng (*Kế hoạch số 01/KH-UBND-ĐHĐN ngày 11/8/2023*), Trường Đại học Tôn Đức Thắng (*Kế hoạch 01/KH-UBND-TDTU ngày 17/7/2023*), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tây Nguyên, Đại học quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình hợp tác với quận Hongcheon - tỉnh Gangwon, quận Jinan - tỉnh Jeonlabuk, Hàn Quốc về nội dung phát triển ngành công nghiệp sâm, nhân sâm.

V. VỀ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

- Tổ chức quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu dùng chung của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh và Trung tâm Dữ liệu tỉnh bảo đảm an toàn, ổn định và tuân thủ các quy định về an toàn thông tin. Các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được cấu hình với 03 lớp tường lửa, bao gồm Firewall vùng DMZ, Firewall vùng Server và Web Application Firewall (*WAF*). Cơ chế này nhằm mục đích xây dựng một lá chắn đa tầng, ngăn chặn hiệu quả các mối nguy cơ về an toàn thông tin, đặc biệt là những cuộc tấn công mạng có chủ đích, đồng thời đảm bảo tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống WAF nhằm ngăn chặn hiệu quả các nguy cơ tấn công từ bên

ngoài.

- Thực hiện giám sát liên tục các cảnh báo về an toàn thông tin mạng và các lỗ hổng bảo mật được thông báo từ các cơ quan cấp trên. Đồng thời, triển khai các biện pháp ngăn chặn kịp thời thông qua việc cấu hình rule trên thiết bị Firewall và máy chủ, cập nhật các bản vá bảo mật, nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng ứng phó với các sự cố an ninh mạng.

- Thực hiện giám sát, cảnh báo an toàn thông tin 24/7, đồng thời định kỳ rà soát, đánh giá lỗ hổng, cập nhật bản vá hệ thống và lưu nhật ký truy cập theo quy định.

- Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ nhằm đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu nhằm khôi phục dữ liệu nhanh chóng, hiệu quả trong trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc các cuộc tấn công mạng, giảm thiểu thời gian gián đoạn và thiệt hại đối với hoạt động của Trung tâm dữ liệu.

- Sử dụng phần mềm phòng chống virus bản quyền, bật tường lửa cá nhân, cấu hình chính sách bảo mật cho thiết bị đầu cuối, kiểm soát thiết bị ngoại vi và phương tiện lưu trữ di động (*USB, ổ cứng rời*) để ngăn chặn nguy cơ lây nhiễm mã độc.

- Cán bộ phụ trách an toàn thông tin tại từng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi tình trạng bảo mật, giám sát hoạt động của hệ thống, đồng thời báo cáo kịp thời khi phát hiện dấu hiệu nghi ngờ xâm nhập hoặc sự cố an toàn thông tin.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan trong công tác giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu và xử lý sự cố an toàn thông tin, góp phần bảo vệ chủ quyền không gian mạng quốc gia và an ninh trên không gian mạng, đặc biệt các hệ thống thông tin đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu tỉnh. Tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia (*theo phân công của Tiểu ban An toàn, An ninh mạng tỉnh*), đảm bảo kênh liên lạc khẩn và cơ chế phối hợp thông suốt khi xảy ra sự cố nghiêm trọng.

VI. VỀ KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; trong đó, tổng kinh phí chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa phân bổ là 175.402 triệu đồng.

- Về đề xuất phân khai kinh phí nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 như sau:

- + Nhu cầu kinh phí năm 2026 thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 158.955 triệu đồng; trong đó: Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 13 Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND

tỉnh xem xét, phê duyệt 31 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Đến nay, đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với 26 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hiện đã trình UBND tỉnh phê duyệt 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: đã tổ chức phê duyệt dự toán đối với 04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ và 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt danh mục.

+ Nhu cầu kinh phí chuyển đổi số năm 2026 của các đơn vị, địa phương là 634.611 triệu đồng, gồm: Sở, ngành là 451.107 triệu đồng, cấp xã là 183.504 triệu đồng;

+ Tổng nhu cầu chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 toàn tỉnh: 793.566 triệu đồng.

+ Đề xuất phân khai kinh phí chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 đợt 1 như sau: Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất phân khai kinh phí với tổng số tiền: 83.803 triệu đồng cho nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 (*đợt 1*); kinh phí còn lại chưa đề xuất phân bổ: 91.599 triệu đồng, dự kiến sẽ phân bổ cho nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở đã được phê duyệt.

- Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp nhu cầu kinh phí và ban hành Công văn số 17/UBND-NC ngày 05/01/2026 gửi Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính đề xuất hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương để thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy (*cũ*) đã thu về Kho Lưu trữ lịch sử Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Kinh phí dự kiến ***gần 74 tỷ đồng***; Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp bổ sung ***618.106 triệu đồng*** để chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 tại Công văn số 888/SKH-CN-VP ngày 08/3/2026 và đăng ký nhu cầu kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2026 (lần 2) của tỉnh là ***53.402 triệu đồng*** để thực hiện 04 dự án (*01 dự án nhóm A và 03 dự án nhóm B*) tại Công văn số 982/SKH-CN-VP ngày 18/3/2026.

VII. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Về nhiệm vụ được giao trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương: vẫn còn 06 nhiệm vụ quá hạn.

- Về trang thiết bị và hạ tầng: Hạ tầng, điều kiện tiếp cận công nghệ và trang thiết bị (như máy tính, máy in) tại một số khu vực, đặc biệt là ở cấp xã, còn thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Về phát triển khoa học, công nghệ: tỉnh hiện chưa có doanh nghiệp công nghệ cao theo tiêu chí quốc gia; điều này phản ánh hạn chế về quy mô đầu tư R&D, năng lực công nghệ lõi và hệ sinh thái hỗ trợ; Hoạt động kết nối chuyển giao công

nghe chưa hình thành cơ chế hợp tác ba bên ổn định; chưa có đầu mối điều phối mạnh; Số lượng 15 doanh nghiệp KHCN là còn khiêm tốn so với tiềm năng công nghiệp của tỉnh; chưa hình thành cụm doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; Việc đánh giá trình độ công nghệ mới dừng ở giai đoạn khảo sát, chưa chuyển hóa thành mô hình cải tiến cụ thể gắn với cơ chế đặt hàng hoặc xã hội hóa.

- Về ứng dụng dịch vụ công: Vẫn còn 14,44% hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác; hạ tầng số và mức độ sẵn sàng sử dụng DVCTT của một bộ phận người dân, doanh nghiệp chưa đồng đều. Việc thu nộp đảng phí trực tuyến trên cổng dịch vụ công của Đảng gặp khó khăn, đặc biệt với nhóm đảng viên lớn tuổi, không có điện thoại thông minh hoặc tài khoản ngân hàng.

- Về nguồn nhân lực và kinh phí: Trình độ số của người dân chưa đồng đều, công tác đào tạo nhân lực số chuyên sâu còn hạn chế. Đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin ở cấp xã còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, đa số là kiêm nhiệm. Tổng nhu cầu kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số rất lớn so với khả năng cân đối ngân sách, gây áp lực trong phân bổ nguồn lực. Kinh phí đầu tư, nâng cấp cho chuyển đổi số và an ninh mạng còn hạn hẹp, chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn; trong khi đó công tác chuyển đổi số đòi hỏi phải đầu tư liên tục, thường xuyên nhưng ngân sách cho chuyển đổi số còn hạn chế. Nguồn vốn xã hội hóa huy động được chưa nhiều, chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách tỉnh. Hiện nay, UBND tỉnh chưa phân bổ kinh phí cho nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026.

PHẦN II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN ĐẾN

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Căn cứ vào nội dung Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (thay thế Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026) để chỉ đạo rà soát, bổ sung hoặc ban hành mới kế hoạch và tổ chức triển khai các vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026, bám sát thực tiễn, xác định rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và tiến độ thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc cập nhật, báo cáo kết quả trên Hệ thống theo dõi nghị quyết (<https://theodoing.dcs.vn>); kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp thông qua Hệ thống phản ánh kiến nghị (<https://pakn.ng57.vn>) và các kênh có liên quan.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán triệt theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng để nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo khí thế mới trong toàn xã hội; biên soạn tài liệu tóm tắt, cầm nang triển khai; duy trì truyền thông định kỳ về kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và cách làm sáng tạo, mô hình tiêu biểu.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tiếp tục tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các chương trình hành động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò nòng cốt của đoàn viên, hội viên trong việc sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số phục vụ đời sống và công tác. Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của Nhân dân trong quá trình tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, nền tảng số; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo việc lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quá trình thẩm tra, quyết định các nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm và trung hạn; bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách, xác định rõ mục tiêu, nguồn lực, trách nhiệm thực hiện; thực hiện lộ trình tăng dần tỷ trọng chi cho lĩnh vực này.

5. Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo kế hoạch đề ra. Kịp thời báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ và yêu cầu đề ra.

II. Hoàn thiện thể chế, chính sách

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh mục các văn bản, quy định pháp luật còn chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách cho khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, phát triển KHCS, ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội; xác định, tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư, tài chính, mua sắm, thuê dịch vụ, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với các mô hình kinh doanh mới, dịch vụ số mới và các nền tảng công nghệ chưa có quy định pháp lý rõ ràng, đặc biệt tại các khu kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh

Chỉ đạo rà soát, xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các lĩnh vực theo quy định pháp luật. Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ cho các Tổ công nghệ số cộng đồng.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Nghiên cứu, tham mưu xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá người đứng đầu và cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa tiêu chí vào đánh giá, xếp loại cuối năm và thi đua, khen thưởng. Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản, quy định, quy chế, hướng dẫn liên quan đến công tác phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương.

III. Phát triển hạ tầng số

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh phát triển hạ tầng, phủ sóng 5G băng thông rộng, ưu tiên triển khai tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cửa khẩu, cảng, đô thị, điểm du lịch, các tuyến quốc lộ. Rà soát, phủ sóng các điểm lờm sóng trong tỉnh và giám sát chất lượng dịch vụ.

- Nghiên cứu, lựa chọn một số đô thị, xã, phường, đặc khu triển khai thí điểm hạ tầng số cho đô thị thông minh; triển khai hạ tầng phục vụ phản ánh hiện trường, môi trường, giao thông, an ninh trật tự..., đánh giá hiệu quả và xây dựng kế hoạch nhân rộng.

- Chỉ đạo rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng các Trung tâm dữ liệu dùng chung để bảo đảm vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của các cơ quan trong hệ thống chính trị được thông suốt, bảo đảm an toàn thông tin. Hình thành kho dữ liệu dùng chung.

- Sớm bố trí kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

2. Văn phòng Tỉnh ủy

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu dùng chung của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh phục vụ duy trì, triển khai các hệ thống thông tin dùng chung đặc thù của tỉnh; hệ thống quản lý, khai thác tài liệu số hóa lưu trữ.

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và duy trì kết nối ổn định, an toàn thông tin hệ thống mạng Mật để phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ mật, tối mật.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh. Bảo đảm 100% các đảng ủy xã, phường, đặc khu trong tỉnh được trang bị đồng bộ tối thiểu 01 hệ thống hội nghị trực tuyến nhằm cho phép tổ chức các hội nghị trực tuyến có trao đổi thông tin 02 chiều từ Trung ương đến các đảng ủy xã, phường, đặc khu trong tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thực hiện đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuẩn hóa, nâng cấp đường truyền, hệ thống mạng LAN, Wifi; trang bị đầy đủ máy tính, chữ ký số cá nhân, bảo đảm điều kiện họp trực tuyến và xử lý hồ sơ điện tử ổn định để cán bộ, công chức tương tác trên môi trường số an toàn.

IV. Về chuyển đổi số

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo rà soát toàn bộ các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng hiện có trong các cơ quan Nhà nước, chuẩn hóa, hợp nhất hoặc thay thế các hệ thống trùng lặp, kém hiệu quả.

- Triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung, đảm bảo tất cả các nền tảng số dùng chung của tỉnh kết nối thông suốt với nền tảng số quốc gia để phục vụ quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo rà soát, tái cấu trúc toàn diện các quy trình, nghiệp vụ trên môi trường số, bảo đảm các ứng dụng được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ sử dụng, dễ mở rộng và tích hợp, lấy người dùng làm trung tâm. Tăng cường số hóa hồ sơ, kết

quả giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến, ứng dụng chứng thực bản sao điện tử trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trong công tác cán bộ bảo đảm quy định theo Luật Giao dịch điện tử. Cắt giảm thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác triệt để các Cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu đã được số hóa, tuyệt đối không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống, đo lường tỷ lệ xử lý điện tử và thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh, bảo đảm kỷ luật hành chính trong môi trường số.

- Củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết liên quan đến doanh nghiệp; định kỳ công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Hiện đang triển khai thí điểm Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh trong điều hành và thực thi công vụ.

- Từng bước hình thành hệ thống quản trị dựa trên dữ liệu, trong đó: **(1)** Rà soát, ban hành quy định về danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh; phân công chủ quản dữ liệu; quy định chuẩn dữ liệu, quy trình cập nhật, chia sẻ, khai thác; phân quyền truy cập, lưu vết, trách nhiệm giải trình; kiểm tra việc tuân thủ, **(2)** Chỉ đạo tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số, đẩy mạnh số hóa tài liệu lưu trữ và số hóa 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số. Tổ chức thu thập, chuẩn hóa và tích hợp các bộ dữ liệu quan trọng của tỉnh (dân cư, doanh nghiệp, đất đai, đầu tư, an sinh xã hội, y tế, giáo dục... theo thẩm quyền); hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; tiếp tục rà soát, công bố dữ liệu mở theo quy định, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới sáng tạo; bảo đảm cập nhật thường xuyên, có phân quyền khai thác rõ ràng. **(3)** Xây dựng, hoàn thiện, vận hành và phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) thành “bộ não số” có khả năng phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế- xã hội. **(4)** Nghiên cứu triển khai chuyển đổi số, quản trị số và giám sát thông minh trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như: Quản lý hạ tầng, tài nguyên môi trường, hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm, nông nghiệp, thủy sản, thương mại điện tử, thanh toán số...

2. Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc

- Tiếp tục triển khai đưa vào sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao đến các xã, phường, đặc khu để gửi, nhận và xử lý văn bản có nội dung thông tin không mật, mật và tối mật; thực hiện gửi, nhận và xử lý văn bản, ký số văn bản toàn trình trên môi trường mạng.

- Triển khai sử dụng hiệu quả ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử để hỗ trợ sinh hoạt chi bộ, theo dõi việc tham gia sinh hoạt, khai thác bản tin và tài liệu phục vụ sinh hoạt chi bộ đến các chi, đảng bộ và toàn thể đảng viên; các hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức và xây dựng Đảng, Kiểm tra Đảng; triển khai thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử bảo đảm theo đúng lộ trình của Trung ương. Tiếp tục rà soát, làm sạch, cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên làm cơ sở để triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung của Đảng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản, quy định, quy chế, hướng dẫn về bảo vệ, quản lý, sử dụng dữ liệu; triển khai, sử dụng các ứng dụng, nền tảng dùng chung; bảo đảm an toàn thông tin và các nội dung liên quan đến công tác chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh.

- Rà soát toàn bộ quy trình nghiệp vụ hiện hành; thống kê, phân loại các quy trình có thể thực hiện trên môi trường số; loại bỏ các quy trình trùng lặp, thủ công, không còn phù hợp và ban hành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ để đảm bảo số hóa toàn diện 100% các nghiệp vụ công tác đảng trên môi trường số.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung do các bộ, ban, ngành Trung ương triển khai. Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở lên môi trường số. Chuẩn hóa quy trình, xử lý văn bản toàn trình, hồ sơ công việc trên môi trường số; áp dụng ký số; giảm văn bản giấy; bảo đảm liên thông, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh việc chỉnh lý, số hóa tài liệu, cung cấp dữ liệu mở và đưa vào khai thác trên môi trường số theo quy định của pháp luật.

V. Về phát triển nguồn nhân lực

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng “lãnh đạo số” cho cán bộ chủ chốt và người đứng đầu; tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo, văn hóa công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức nhất là tại cấp xã gắn với nhu cầu thực tế (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử, ứng dụng AI, kỹ năng tương tác an toàn trên môi trường số...) cho cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu lực đội với lượng nòng cốt, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số về dữ liệu, an toàn thông tin; ban hành chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia khoa học, công nghệ, chuyển đổi số theo dự án, bài toán; gắn đào tạo nghề và kỹ năng số với nhu cầu doanh nghiệp; phát triển học liệu số và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

- Phối hợp với các đơn vị tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ quản trị dữ liệu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đảm bảo năng lực làm chủ các kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để tổ chức tập huấn, chuẩn bị hạ tầng kết nối, và tiên phong đưa Nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia vào vận hành thực tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã.

- Xác định nhu cầu nhân lực trọng điểm; xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; chuyên gia tư vấn theo bài toán; cơ chế đãi ngộ linh hoạt, đánh giá theo kết quả; hình thành mạng lưới chuyên gia đồng hành với tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền thực hiện chủ trương bố trí phù hợp những cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý; đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Các xã, phường, đặc khu

Tiếp tục duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hóa thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững.

VI. Về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố để chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...; phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo; tổ chức hội nghị, diễn đàn về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp; tham gia các sự kiện, diễn đàn, tổ chức quốc tế, hội chợ công nghệ toàn cầu.

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp; có giải pháp cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng; thúc đẩy ứng dụng các nền tảng, giải pháp số trong quản trị và sản xuất, kinh doanh; theo dõi, đánh giá và nhân rộng mô hình doanh nghiệp chuyển đổi số hiệu quả. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu,

chỉ dẫn địa lý, xây dựng hệ thống truy xuất, gắn tiêu chuẩn chất lượng và thị trường, nâng giá trị sản phẩm địa phương.

- Lựa chọn và tổ chức thực hiện từ 3 đến 5 bài toán gắn với điều kiện và lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi (công nghiệp, nông nghiệp, môi trường, logistics, du lịch...), ban hành danh mục đặt hàng, quy định đơn vị tiếp nhận, đánh giá hiệu quả, theo dõi ứng dụng sau nghiệm thu.

- Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của tỉnh; lựa chọn tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng, xây dựng bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hóa).

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Nghiên cứu, lựa chọn tối thiểu 01 nhiệm vụ, bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh của ngành, địa phương mình, sát dân, sát sản xuất; đặt hàng nhiệm vụ ứng dụng; triển khai theo mô hình thí điểm để đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

VII. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo duy trì vận hành hiệu quả Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) để giám sát 24/7, kịp thời cảnh báo sớm; kết nối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh; rà soát, thực hiện nghiêm quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý sự cố và thực hiện chia sẻ dữ liệu, báo cáo định kỳ. Xây dựng kịch bản tấn công mã hóa, rò rỉ dữ liệu; tổ chức diễn tập phối hợp; rút kinh nghiệm và cập nhật quy trình; nâng cao năng lực ứng cứu thực chiến. Triển khai Hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh, đảm bảo 100% máy tính của cán bộ, công chức bảo đảm an toàn khi tương tác trên môi trường số.

2. Văn phòng Tỉnh ủy

Rà soát, triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt (cấp độ 3) đối với hệ thống thông tin Trung tâm dữ liệu dùng chung của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh. Duy trì, mở rộng hệ thống phòng, chống mã độc tập trung của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh để triển khai đến tất cả các máy tính của người dùng trong các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thường xuyên rà soát, phân loại, xác định cấp độ; phê duyệt hồ sơ; triển khai biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; kiểm tra tuân thủ và khắc phục tồn tại; xây dựng chính sách sao lưu dữ liệu. Chỉ đạo cán bộ, công

chức, viên chức chấp hành nghiêm túc việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước.

VIII. Về kiểm tra, giám sát

1. Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh đối với nội dung khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Tham mưu, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đã đề ra trong năm 2026; trong đó, chú trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa và tiến độ, hiệu quả triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chỉ đạo Ủy ban kiểm tra các cấp tham mưu đưa việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi số vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy.

3. Ban Nội chính Tỉnh ủy

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quá trình triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

PHẦN III ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đối với Trung ương

Sớm ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho việc bố trí và sử dụng nhân lực công nghệ thông tin tại cấp xã; xem xét chế độ phụ cấp cho Tổ công nghệ số cộng đồng, bảo đảm lực lượng này hoạt động bền vững, lâu dài.

II. Đối với các bộ, ngành Trung ương

- Sớm có hướng dẫn cụ thể về giải pháp triển khai định danh địa điểm, đánh số nhà.

- Quan tâm, chỉ đạo xây dựng và triển khai phần mềm thống kê, theo dõi số liệu công dân đã tích hợp thông tin thẻ Bảo hiểm y tế lên ứng dụng VNeID đến tận cấp xã để thuận lợi cho công tác theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ người dân.

- Rà soát, hoàn thiện, thống nhất hệ thống giải quyết TTHC và các Hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung toàn quốc, đảm bảo hoạt động ổn định tránh bị gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động công chức và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Kết nối, liên thông Các cơ sở dữ liệu quốc gia (đất đai, dân cư, y tế, giáo dục, doanh nghiệp...) với cơ sở dữ liệu của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kho dữ liệu mở địa phương. Chia sẻ, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ được tiếp nhận trên

các hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc phân cấp, phân quyền thêm cho địa phương nhằm phục vụ công tác theo dõi, kiểm soát hoạt động giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương được tiếp nhận trên các phần mềm chuyên ngành diễn ra hàng ngày tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để kịp thời thông tin đến người dân và doanh nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện các ứng dụng, phần mềm do các cơ quan ở Trung ương chuyển giao (Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, Hệ thống phần mềm số hóa...), đảm bảo hoạt động ổn định, dễ sử dụng, làm nền tảng để các cơ quan, đơn vị ứng dụng, số hóa toàn diện quy trình nghiệp vụ trên môi trường số.

- Tăng cường hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi trong công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn và an toàn thông tin mạng.

- Hỗ trợ tỉnh trong việc thu hút các dự án đầu tư chiến lược của các tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

III. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan triển khai thử nghiệm Hệ thống đánh giá KPI để dễ dàng theo dõi, giám sát việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên môi trường số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Giao Văn phòng Tỉnh ủy nghiên cứu, triển khai thử nghiệm Ứng dụng trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức tại Văn phòng Tỉnh ủy trong công tác tham mưu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN

U Huấn